TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 13 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Ông Sái Đức Trung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Dẫn; Bà Triệu Thị Xuân

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST – DS ngày 26/02/2024 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Đình P, sinh năm 1952.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H (tên gọi khác là K), sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Đều có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Tiến L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đào Anh Tuấn, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị H (tên gọi khác là K), sinh năm 1958;

Địa chỉ: Xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Anh Hà Đức M, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Anh Hà Đức D, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

5. Bà Ma Thị Kim H, sinh năm 1978 - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Tiến L(là chồng).

Địa chỉ: Xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Ông L có mặt, bà H vắng mặt)

6. Ông Nông Văn C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn ông Hà Đình P trình bày: Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông với ông Trịnh Tiến L, tại thửa đất 231, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng lúa nước, diện tích tranh chấp có chiều dài 52m2, có chiều rộng 13m2, diện tích là 676m2. Ông yêu cầu ông L phải trả ông 676m2, địa chỉ thửa đất tại Xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Nguồn gốc đất: Do bố mẹ đẻ của ông là ông Hà Văn C và bà Ma Thị Đ khai phá, đến năm 1980 thì ông C, bà Đ chia đất cho vợ chồng ông sử dụng và canh tác. Năm 1997 gia đình ông P được cấp bìa xanh với thửa đất này, từ đó đến nay chỉ phát quang chứ không trồng cây gì, bìa xanh do Hạt kiểm lâm huyện V làm thủ tục cấp cho gia đình mang tên Hà Đình P. Ngày 11/9/2013, UBND huyện V đã thu hồi thửa đất này theo Quyết định số 1676/QĐ-UBND, số Giấy chứng nhận 0410451, số Quyết định 2457, diện tích 116.900 m2.

Tại phiên hoà giải ngày 29/7/2024, ông P lại trình bày khởi kiện thửa đất số 231, một phần thửa đất số 233, 210 tờ bản đồ số 20 bản đồ địa chính xã Ng,

huyện V, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 831,2m2 theo kết quả đo đạc ngày 08/5/2024. Nguồn gốc đất: Là đất rừng, do vợ chồng ông đã khai phá để sử dụng từ năm 1980, khi ông khai phá đất này là đất hoang chỉ dùng để thả trâu, bò. Quá trình sử dụng thửa đất, vào năm 1980, ông chỉ tiến hành phát quang cho bờ ruộng ở dưới được thoáng. Sau đó, từ năm 1982 nhà ông P bắt đầu trồng sắn, trồng đỗ xanh, trồng mía vừa để quang ruộng và sử dụng gia đình. Trên thửa đất này trồng sắn, trồng ngô, trồng mía, khoai lang, cây sim, cây chuối qua các năm, đến năm 1980 trở đi có trồng hơn chục cây chè, 02 cây trám, hiện nay đã phát gần hết và trên đất chỉ còn một cây trám và 01 bụi tre, ngoài ra không trồng thêm cây gì. Ông làm đơn khởi kiện mới biết bìa này đã bị thu hồi từ năm 2013, gia đình không được thông báo. Do đó, ông L lợi dụng vẽ bìa và được cấp sổ lên đất nhà ông P. Ông P đề nghị Toà xem xét trả đất cho gia đình sử dụng, ruộng của ai người đó làm, đất nhà ai thì tiếp tục sử dụng của nhà đó.

Ý kiến của bà Hoàng Thị H trình bày: Ông P yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất thửa số 231, diện tích 676 m2, loại đất nông nghiệp, tờ bản đồ số 20 xã Ng với ông Trịnh Tiến L, bà nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông P. Từ lúc bà về làm dâu từ năm 1980 đã có thửa đất này rồi, bà được bố mẹ chồng cho biết thửa đất này khai phá từ năm 1980 và giao cho vợ chồng bà sử dụng từ đó đến nay, đã canh tác liên tục hơn 40 năm và đề nghị Toà trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình ông.

- Bị đơn ông Trịnh Tiến L trình bày: Nguồn gốc đất gia đình sử dụng từ năm 2017 do nhận chuyển nhượng từ ông Nông Văn C, thuộc thửa số 231, tổng diện tích 1286,3 m2, tờ bản đồ số 20 xã Ng. Tháng 6/2017, ông đã làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến tháng 12/2017 được UBND xã Ng công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 29 hộ gia đình, trong đó có hộ gia đình Trịnh Tiến L. Đến tháng 9/2020, gia đình ông được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng từ năm 2017, gia đình ông canh tác hoa màu. Hiện nay ông P khởi kiện yêu cầu trả lại phần diện tích tranh chấp tại thửa 231, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính xã Ng. Vào ngày 15/6/2017, ông có làm hợp đồng mua bán chuyển nhượng đất và tài sản trên đất với ông Nông Văn C, thửa đất (không có số), diện tích khoảng 700m2 trở lại (không đo cụ thể), mục đích sử dụng là đất vườn, tờ bản đồ (không có), đất này ông C chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất này có 01 cây trám (quả trắng), có 02 bụi tre và một cây xoan, có khoảng 02 cây cọ, trên thửa đất còn trồng chè, trồng không thành hàng, thành lối. Ông mua của ông C 02 triệu đồng, thửa đất này ông thấy ông C đã sử dụng liên tục lâu dài, còn trồng xen canh cả cây sắn, trong quá trình

sử dụng thửa đất này không có tranh chấp gì với ai. Nay ông đã được UBND huyện V cấp GCNQSD đất ngày 04/9/2020, thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20, diện tích 1286,3m2, loại đất trồng cây lâu năm, thời hạn 01/7/2064 xã Ng mang tên ông Trịnh Tiến L và bà Ma Thị Kim H. Trong quá trình kê khai làm thủ tục hồ sơ để cấp GCNQSD đất thì là do ông kê khai là: khai phá, vì thửa đất này chỉ có một phần là nhận chuyển nhượng từ ông C còn lại một phần đất trong thửa này là do gia đình ông khai phá từ khoảng năm 2003-2004. Chứ không phải toàn bộ diện tích 1286,3m2 là của ông C. Ông L không đồng ý trả lại diện tích thửa đất mà ông P khởi kiện.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Hà Đức M trình bày: Tôi được bố mẹ cho ở riêng và có hộ khẩu gia đình riêng từ khoảng năm 2018. Tôi được bố mẹ chia cho hơn hai sào ruộng cấy lúa hai vụ nhưng chưa sang tên để cấp GCNQSD đất. Ông P yêu cầu giải quyết tranh chấp thửa đất số 231, loại đất nông nghiệp 676m2, tờ bản đồ số 20 xã Ng với ông Trịnh Tiến L. Tôi nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông P, nguồn gốc đất gia đình được địa chính xã và Kiểm lâm huyện Võ làm thủ tục cấp cho gia đình tôi là ông Hà Đình P. Trên đất chỉ có những cây cọ, cây chám, cây chè trồng từ lâu khoảng những 2012, đất này là đất sản xuất đất rừng, vì đất gần bờ ruộng nên không trồng những cây tán to, vì để cho lúa phát triển. Nay tôi ủy quyền cho bà H tham gia giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

- Anh Hà Đức D trình bày: Bố đẻ của tôi là ông P khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng thửa đất số 231, một phần thửa đất số 233, 210, tờ bản đồ số 20 bản đồ địa chính xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, diện tích là 831,2 m2. Nguồn gốc của thửa đất do bố mẹ tôi là ông Hà Đình P và bà Hoàng Thị H khai phá từ xưa đã lâu tôi không biết rõ, lúc tôi lớn lên đã thấy. Đất này là đất rừng sát bên trên bờ ruộng nhà tôi, sử dụng để trồng sắn, trồng cây chè qua các năm, gia đình canh tác trồng cây liên tục, thường xuyên ổn định, không tranh chấp với ai, tôi được tham gia cùng bố mẹ trồng cây sắn trên đất này. Gia đình tôi đã được cấp bìa xanh là hồ sơ giao đất lâm nghiệp cấp năm 1997, mang tên chủ hộ Hà Đình P. Sau đó quá trình thu hồi hay giao đất lại cho ai tôi không được biết và không rõ. Tôi uỷ quyền cho bà H đại diện tham gia giải quyết vụ án.

- Chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi là con dâu của ông P, ông P khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng thửa đất số 231, một phần thửa đất số 233, 210, tờ bản đồ số 20 bản đồ địa chính xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, diện tích là 831,2 m2. Nguồn gốc thửa đất là đất rừng trên bờ ruộng nhà tôi, lúc tôi về làm dâu từ năm 2013 đã thấy bố mẹ chồng sử dụng đất này để canh tác, trồng cây sắn và cây chè. Tôi đi làm không trực tiếp tham gia trồng cây nhưng vẫn biết bố mẹ

thường xuyên sử dụng trồng cây và phát quang. Tôi được bố mẹ chồng nói lại đã được cấp giấy năm 1997, mang tên chủ hộ là Hà Đình P. Cấp như thế nào, diện tích bao nhiêu tôi không rõ. Mong Toà án xem xét nếu đúng là gia đình ông L tranh đất nhà tôi trái pháp luật thì phải trả đất lại cho gia đình tôi để tiếp tục canh tác và tôi tiếp tục uỷ quyền cho bà H tham gia tố tụng.

- Ông Nông Văn C trình bày: Tôi làm hợp đồng mua bán chuyển nhượng đất và tài sản trên đất cho anh Trịnh Tiến L vào ngày 15/6/2017, anh L là người cùng xóm, thửa đất này (không có số), tờ bản đồ (không có) diện tích khoảng 800m2 trở lại, mục đích tôi sử dụng đất là để trồng chè, đất này chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần nào. Thửa đất này là do bố tôi là (ông Nông Văn T, chết năm 1990 và mẹ tôi là Hoàng Thị L, chết khoảng năm 2019) đã khai phá và trồng cây chè từ những năm 1970. Sau đó tôi là người sử dụng thửa đất này liên tục, có nhiều hộ gia đình cùng xóm chứng kiến. Trên đất có 01 cây trám (quả trắng) có đường kính gốc tại thời điểm năm 2017 là: 30 - 40cm, cây trám tự mọc không ai trồng, có 02 bụi tre và một cây xoan, có khoảng 500m2 trồng chè (trồng không thành hàng) và có khoảng 02 cây cọ, ngoài ra còn có cây tạp khác nhưng nó bé, còn bây giờ ông L trồng cây gì tôi không rõ. Tôi đã chuyển nhượng cho anh L lấy 02 triệu đồng, lấy chút tiền công khai phá trồng trọt và gia đình cũng không có nhu cầu sử dụng nữa, trong quá trình sử dụng thửa đất này không có ai tranh chấp gì với tôi. Nay ông P yêu cầu giải quyết tranh chấp thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20 xã Ng với ông Trịnh Tiến L, ông P khởi kiện yêu cầu anh L phải trả lại thửa đất này là không đúng, vì thửa đất này là do gia đình tôi canh tác và sử dụng liên tục từ năm 1970 cho đến khi chuyển nhượng cho anh L. Tôi không cho gia đình ông Hà Đình P mượn sử dụng thửa đất này bao giờ.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/5/2024 thì xác định diện tích đất tranh chấp giữa hai gia đình là 831,2 m^2 đất nằm tại các thửa đất, gồm: Thửa 231 các điểm "1,2,10,11,5,6,7,8,9,1" diện tích 668,7m2; Thửa 233 các điểm "2,3,11,10,2" diện tích 86,6m2; Thửa 210 các điểm "3,4,5,11,3" diện tích 75,9m2. Địa chỉ thửa đất tại xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Theo biên bản định giá ngày 08/5/2024 của Hội đồng định giá UBND huyện V thì giá trị quyền sử dụng đất có tranh chấp và tài sản trên đất là 831,2 m^2 có giá trị là 831,2 m^2 x 46.000đ/ 1 m^2 = 38.235.200 đồng và tài sản trên đất (gồm các cây chuối, sim, trám, tre, cọ, chè) là 3.246.400 đồng. Tổng giá trị là 41.481.600 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận: Nhất trí với quan điểm của bị đơn anh Trịnh Tiến L, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông P đòi trả lại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20, diện tích 676m2 đất trồng lúa (kết quả xem xét thẩm định là 668,7m2 đất trồng cây lâu năm). Việc ông P khởi kiện là không có căn cứ không có tài liệu chứng cứ chứng minh, đây không phải là đất lâm nghiệp mà ông trình bày được cấp bìa xanh năm 1997. Việc cấp các thửa đất lâm nghiệp cho gia đình ông đã bị nhà nước thu hồi năm 2013.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông P trình bày: Tại phiên hòa giải ông có trình bày cả thửa đất số 231, một phần thửa đất số 233, 210 tờ bản đồ số 20 bản đồ địa chính xã Ng. Tổng diện tích là 831,2 m2, diện tích này là do ông và các con xem kết quả đo đạc, do không hiểu biết và không xác định được vị trí cụ thể nào là thửa 231 và vị trí nào là 233 và 210 nên ông và các con đã yêu cầu cả diện tích thửa 233, 210 là không đúng như yêu cầu đơn khởi kiện ban đầu. Ông chỉ yêu cầu khởi kiện anh L trả lại thửa số 231, diện tích 676 m2, loại đất nông nghiệp, tờ bản đồ số 20 xã Ng. Nay ông vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện và không đề nghị xem xét gì đối với thửa thửa đất 233 và 210 tờ bản đồ số 20 xã Ng. Những thửa đất này ông không rõ ai là người đang quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa bà H, anh M, anh D trình bày: Nhất trí với quan điểm yêu cầu khởi kiện của ông P như trình bày nêu trên.

Kết thúc phần tranh luận vị đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh thêm và đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của hai thửa đất 210 và 233 tờ bản đồ số 20 xã Ng tham gia tố tụng. Những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về đề nghị này.

Sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, HĐXX vào phòng thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Việc tạm ngừng phiên toà là không có căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 259 BLTTDS, vì đề nghị như vậy là vượt quá yêu cầu phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

Toà án đã kiên trì tiến hành hoà giải nhưng các bên đương sự không thoả thuận được việc giải quyết vụ án nên Toà án phải đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên toà ngày hôm nay,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện V.

[2] Về sự tham gia tố tụng của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, ông C, chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người này.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của ông Hà Đình P thấy rằng: ông P khởi kiện ông Trịnh Tiến L thửa đất số 231, tờ bản đồ 20, diện tích là 676 m^2 "loại đất trồng lúa nước" có chiều dài 52m2, chiều rộng 13m2 thuộc xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông P cung cấp là hồ sơ giao đất lâm nghiệp mang tên ông Hà Đình P ngày 15/12/1997; Biên bản bàn giao rừng và đất lâm nghiệp bản sao chứng thực; Quyết định giao đất lâm nghiệp bản sao chứng thực; Đơn xin nhận đất nông nghiệp để quản lý và sử dụng bản sao, chứng thực; Bản đồ giao đất lâm nghiệp phô tô. Hội đồng xét xử thấy: Về nguồn gốc của diện tích 676m^2 đất hiện nay đang có tranh chấp, theo các tài liệu đã được thu thập như: GCNQSD đất mang tên ông Trịnh Tiến L và bà Ma Thị Kim H ngày 04/9/2020 đã được UBND huyện V cấp thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20, diện tích 1286,3m2, loại đất trồng cây lâu năm, thời hạn 01/7/2064 xã Ng. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/5/2024, bản đồ trích đo địa chính hiện trạng sử dụng đất do Công ty cổ phần Tân Á Hoàng Minh chi nhánh Thái Nguyên thực hiện ngày 08/5/2024 thì diện tích đất tranh chấp giữa gia đình ông Hà Đình P và ông Trịnh Tiến L tại: thửa 231 các điểm "1,2,10,11,5,6,7,8,9,1" diện tích 668,7m2; thửa 233 các điểm "2,3,11,10,2" diện tích 86,6m2; thửa 210 các điểm "3,4,5,11,3" diện tích 75,9m2 trong bản trích đo địa chính hiện trạng. Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà ông Phong không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc thửa đất đã được Nhà nước công nhận QSD đất; Ngoài ra ông P, anh M trình bày tranh chấp một phần thửa đất số 233, 210 tờ bản đồ số 20 bản đồ địa chính xã Ng là không có căn cứ. Như vậy, lời trình bày của các đương sự phía nguyên đơn là mâu thuẫn không có căn cứ chứng minh và vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo Điều 188 BLTTDS và theo hướng dẫn tại điểm 7 Mục IV giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Toà án nhân dân tối cao.

- *Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bị đơn ông L cung cấp như:* Giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 04/9/2020, thửa đất 231, tờ bản đồ số 20, diện tích 1286,3m2, loại đất trồng cây lâu năm, thời hạn 01/7/2064 xã Ng mang tên ông Trịnh Tiến L và bà

Ma Thị Kim H. Ông L đã chứng minh nguồn gốc đất là khai phá và có một phần là nhận chuyển nhượng từ ông Nông Văn C.

Theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai năm 2013 quy định:

"Quyền của người sử dụng đất.

1. Được cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2. Hưởng thanh quả lao động, kết quả đầu tư trên đất.

……

5. Được nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình.

6. Được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật này.

7. Khiếu nại tố cáo khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất của mình và những hành vi vi phạm pháp luật về đất đai".

Như vậy, gia đình ông L được quyền sử dụng đất theo quy định tại điều 166 Luật đất đai năm 2013 và đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và ông không đồng ý trả thửa đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Phong là có căn cứ.

[5] Ông Nông Văn C khẳng định: Vào ngày 15/6/2017, ông làm hợp đồng mua bán chuyển nhượng đất và tài sản trên đất cho ông L diện tích khoảng 800m2 trở lại, đất trồng chè và chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần nào. Nguồn gốc thửa đất này là do bố mẹ ông khai phá và trồng cây chè từ những năm 1970, sau đó ông là người sử dụng thửa đất liên tục, có nhiều hộ dân trong xóm chứng kiến. Nay ông P yêu cầu khởi kiện thửa đất 231, tờ bản đồ số 20, diện tích 676m2 xã Ng với ông Trịnh Tiến L là không đúng.

[6] Tại công văn số 2033/UBND-TNMT ngày 14/6/2024 của UBND huyện V khẳng định:

- Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Tiến L và bà Ma Thị Kim H tại giấy chứng nhận QSD đất số CU 773206, thửa đất số 231 tờ bản đồ 20 diện tích 1.286,3 m2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm cấp ngày 04/9/2020. Theo trình tự thủ tục về nguồn gốc sử dụng đất là chưa đúng, vì hồ sơ và đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Trịnh Tiến L, năm 2017 kê khai nguồn gốc đất là khai hoang năm 2004, nhưng ông Trịnh Tiến L Trình bày và cung cấp hồ sơ cho Tòa án nguồn gốc thửa đất ông nhận chuyển nhượng từ ông Nông Văn C sinh năm 1967 xóm N, xã Ng năm 2017.

- Hồ sơ đất lâm nghiệp của ông Hà Đình P được giao thuộc lộ 05; 06 khoảnh 06 tiểu khu 316, (đã cấp bìa đỏ số 0410449 số vào sổ 2457 có tổng diện tích 116.900

m2 mục đích sử dụng trồng rừng, ngày cấp 25/5/1999 nơi cấp UBND huyện V) thời hạn sử dụng đất năm 2047; Tại Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 của UBND huyện V về việc thu hồi, hủy bỏ 204 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ký cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã Ng (việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Ng do sai vị trí thửa đất, trong đó có ông Hà Đình P).

- Nguồn gốc thửa đất 231 tờ bản đồ địa chính số 20 xã Ng có diện tích 1286,3 m2 được đo đạc chỉnh lý ra từ thửa đất 210 tờ bản đồ địa chính số 20 xã Ng, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Vị trí thửa đất trên không phải là vị trí trước đây được giao đất cho ông Hà Đình P.

- Nguồn gốc thửa đất 231 tờ bản đồ địa chính số 20 xã Ng có diện tích 1286,3 m2, xã Ng nguồn gốc đất của ông Nông Văn C chuyển nhượng cho ông Trịnh Tiến L, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nông Văn C sinh năm 1967, xóm N, Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Ngoài ra, theo bản đồ địa chính xã Ng, không có thửa đất nào trùng với số thửa 231, loại đất nông nghiệp 676 m2, tờ bản đồ số 20, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Vị trí thửa đất trên không phải là vị trí trước đây được giao cho ông Hà Đình P.

- Kiểm tra hồ sơ địa chính tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kết quả như sau:

- Việc kê khai cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của ông Trịnh Tiến L và bà Ma Thị Kim H theo giấy chứng nhận QSD đất số CU 773206 Số vào sổ CH 01367 cấp ngày 04/9/2020. Thửa đất số 231 tờ bản đồ địa chính số 20 xã Ng diện tích 1286,3 m2 mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm theo đúng trình tự thủ tục (có bản sao hồ sơ kèm theo).

- Nguồn gốc thửa đất 231 tờ bản đồ địa chính số 20 xã Ng diện tích 1286,3m được đo đạc chỉnh lý ra từ thửa đất số 210 tờ bản đồ địa chính số 20 xã Ng và chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nông Văn C, xóm N, xã Ng, huyện V. Ngoài ra theo bản đồ địa chính xã Ng Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đã kiểm tra bản đồ địa chính tờ số 20 không có số thửa 231 loại đất nông nghiệp 676 m2.

- Hồ sơ lưu trữ tại cơ quan Hạt kiểm lâm đối với ông Hà Đình P địa chỉ tại xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên được UBND huyện V giao đất lâm nghiệp tại Quyết định số 2457/QĐ/UB ngày 15/12/1997 thời hạn sử dụng 50 năm (2047); gồm các lô rừng theo bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1997 xã Ng như sau:

- Lô 5, khoảnh 6, tiểu khu 316, diện tích 6,63 ha, hiện trạng rừng tự nhiên,

- Lô 6, khoảnh 6, tiểu khu 316, diện tích 5,06 ha, hiện trạng rừng tự nhiên, mục đích tu bổ rừng.

Như vậy, ông Hà Đình P khởi kiện yêu cầu anh Trịnh Tiến L phải trả lại diện tích đất 676 m^2 tại thửa đất số 231, tờ bản đồ 20, loại đất trồng lúa nước có chiều dài 52m2, chiều rộng 13m2 thuộc xóm N, xã Ng, huyện V là không có căn cứ chấp nhận. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để bác yêu cầu khởi kiện của ông Phong.

[7] Về lệ phí, chi phí tố tụng: Lệ phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 14.300.000đ (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Do yêu cầu của ông P không được chấp nhận, nên ông P phải chịu toàn bộ lệ phí, chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự (ông Phong đã nộp đủ số tiền trên).

[8] Về án phí: Ngày 08/7/2024, ông P có đơn xin miễn án phí và cung cấp quyết định của UBND huyện V cho hưởng trợ cấp hàng tháng là người nhiễm chất độc hóa học, giấy chứng nhận thương binh, ông cũng là người cao tuổi nên xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho ông P tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị tạm ngừng phiên toà là không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, 146, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, 221 của Bộ luật dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đình P về việc đòi ông Trịnh Tiến L phải trả lại thửa số 231, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 676 m^2, loại đất trồng lúa nước. Đo thực tế thửa 231, tờ bản đồ số 20, diện tích 668,7m2, loại đất trồng cây lâu năm thuộc xóm N, xã Ng, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Hà Đình P phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là: 14.300.000đ (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

3. Án phí dân sự: Ông Hà Đình P được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông P số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006541 ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Sái Đức Trung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện Võ Nhai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Sái Đức Trung